

CÔNG TÁC THỐNG KÊ NƯỚC NGOÀI THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Nguyễn Văn Phẩm^(*)

Trong xu thế toàn cầu hoá kinh tế, Hợp tác quốc tế (HTQT) là một lĩnh vực hoạt động không những không thể thiếu được, mà ngày càng trở nên vô cùng quan trọng của Nhà nước cũng như của mỗi Bộ, ngành, mỗi cơ quan, đơn vị, cộng đồng,... trong đó có ngành Thống kê nước ta.

Công tác thống kê nước ngoài (TKNN) những năm qua đã đạt được một số thành tựu, nhưng trong hoàn cảnh ngày nay, khi nước ta đang trên ngưỡng bước vào WTO, nhu cầu trao đổi thông tin thống kê giữa nước ta với các quốc gia, các tổ chức quốc tế ngày càng tăng, công tác này cần phải được cải tiến và nâng cao thêm cho ngang tầm nhiệm vụ mới.

1. Thực trạng công tác Thống kê nước ngoài

1.1. Công tác đáp ứng số liệu Việt Nam cho quốc tế

Mục đích của công tác này là để:

- Quảng bá hình ảnh đa dạng và nhiều chiều của nước ta ra thế giới bằng những con số, qua đó thu hút bạn bè và các nhà đầu tư quốc tế đến với đất nước ta hợp tác cùng phát triển,...;

- Thực hiện nghĩa vụ của ngành Thống kê Việt Nam với các tổ chức quốc tế và các quốc gia có quan hệ;

- Nâng cao vị thế và uy tín của ngành Thống kê nước ta trên vũ đài quốc tế thông

qua chất lượng và số lượng thông tin thống kê mà chúng ta đáp ứng kịp thời cho họ.

Vấn đề cung cấp số liệu thống kê nước ta ra thế giới đã được thực hiện từ lâu. Nhưng bối cảnh thời kinh tế kế hoạch tập trung với Đổi mới ngày nay đã khác. Yêu cầu số liệu nước ta từ phía quốc tế ngày càng nhiều và phong phú. Tuy đã có những cố gắng, song việc đáp ứng thông tin thống kê Việt Nam cho nước ngoài vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập. Có thể đánh giá vấn đề này thông qua xem xét một số yêu cầu trong ấn phẩm của các cơ quan và tổ chức quốc tế.

Trong ấn phẩm của ADB (Key Indicators - các chỉ tiêu chủ yếu): với 271 dòng số liệu thì Việt Nam đã lấp đầy được 195 dòng (chiếm gần 72%), trong khi đó Thái Lan 236 dòng (87%), Xin-ga-po 206 dòng (76%), Phi-lip-pin 236 dòng (87%), Mi-an-ma 50 dòng (19%), Ma-lai-xi-a 245 dòng (90%), In-đô-nê-xi-a 175 dòng (65%), Lào 190 dòng (70%), Cam-pu-chia 205 dòng (76%), Trung Quốc 230 dòng (85%), Ấn độ 136 dòng (50%)... So với các nước ASEAN và lân cận thì tỷ lệ đáp ứng số liệu cho ấn phẩm ADB của nước ta ở mức trung bình thấp, chỉ khá hơn Ấn Độ, Mi-an-ma và Lào. Xét thấy phần lớn các chỉ tiêu thống kê mà chúng ta không đáp ứng kịp thời chủ yếu là các chỉ tiêu thuộc lĩnh vực thống kê tài chính, tiền tệ, ngân hàng và chi tiêu của

^(*) Phó Vụ trưởng Vụ Hợp tác Quốc tế - TCTK

Chính phủ. Những chỉ tiêu này không do TCTK soạn thảo, mà được phân cấp cho thống kê các Bộ, ngành thu thập theo Luật thống kê.

Trong Sổ tay số liệu (Little Data Book) của WB gồm 206 quốc gia và Lãnh thổ, với 48 dòng số liệu được công bố, Việt Nam đáp ứng được 37 dòng, tuy đã tốt hơn nhiều nước như Thái Lan, Trung Quốc (32), In-đô-nê-xi-a, Ấn Độ (31), Phi-lip-pin, Ma-lai-xi-a (30), Xin-ga-po, Lào, Cam-pu-chia (26), Mi-an-ma (21), nhưng lẽ ra còn có thể tốt hơn, ví dụ chỉ tiêu tỷ lệ số dân được tiếp cận nước sạch hay điều kiện vệ sinh đảm bảo được nhiều quốc gia cung cấp số liệu, nhưng TCTK chỉ có tỷ lệ sử dụng nước máy, nước giếng, nước mưa,... hay hồ xí tự động, hồ xí dội nước, hồ xí 2 ngăn,... tưởng như rất chi tiết, nhưng cuối cùng lại không khẳng định được bao nhiêu phần trăm là sạch, là hợp vệ sinh.

Đối với ESCAP, trong ấn phẩm hàng quý “Các chỉ tiêu thống kê Châu Á-Thái Bình Dương” (Statistical Indicators for Asia and the Pacific), với 360 dòng số liệu thì Thái Lan, Xin-ga-po, Phi-lip-pin, Trung Quốc, Ma-lai-xi-a, Ấn Độ đáp ứng 100%, Mi-an-ma 90%, In-đô-nê-xi-a 70%, Việt Nam 98% còn thiếu 8 dòng liên quan tới các số liệu về tài chính, tiền tệ và tỷ giá hối đoái theo tháng.

Trong ấn phẩm Nguyệt san thống kê của IMF, với 122 dòng, số liệu Việt Nam mới chỉ đáp ứng được 70 dòng (57%, tương đương với Lào, Cam-pu-chia và Mi-an-ma), kém xa so với các nước khác trong khu vực và lân cận. Nhưng vấn đề là ở chỗ việc cung cấp số liệu cho IMF do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam làm đầu mối, những chỉ tiêu

thuộc trách nhiệm TCTK thu thập và báo cáo thì TCTK đã thực hiện được đầy đủ, còn lại các chỉ tiêu bị thiếu chủ yếu là các chỉ tiêu thuộc Cán cân thanh toán, tài chính Chính Phủ.

Cơ sở dữ liệu thống kê của UNSD theo dõi thực hiện MDGs tại các quốc gia, với khoảng 50 chỉ tiêu, Việt Nam đáp ứng được 47, còn thiếu chỉ tiêu là tỷ lệ giữa chỉ số trẻ em mồ côi được đi học so với chỉ số trẻ em không mồ côi được đi học trong lứa tuổi 10 - 14, hay tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên từ 15 - 24 tuổi chia theo thành thị, nông thôn, trong khi đó Thái Lan 38, Xin-ga-po 24, Phi-lip-pin 42, Trung Quốc 40, Ma-lai-xi-a 41, Ấn Độ 42, Mi-an-ma 35, In-đô-nê-xi-a 43, Cam-pu-chia 39, Lào 40 chỉ tiêu.

Với Nguyệt san thống kê của Liên hợp quốc (MBS): Trong số 42 dòng số liệu yêu cầu, chúng ta đã đáp ứng được 30 dòng, cộng với 2 dòng do hiện tượng không phát sinh ở nước ta (sản lượng than nâu và bột mỳ), thì tỷ lệ đáp ứng được 76%. Còn lại các chỉ tiêu chưa đáp ứng được là: chỉ số giá bán buôn các mặt hàng thuộc tiêu dùng trung gian, tiêu dùng cuối cùng, đầu tư, hàng nhập khẩu, số lượng căn hộ mới xây, diện tích mặt sàn đưa vào sử dụng, lượng hàng hoá vận tải biển được bốc dỡ, lượng xe có động cơ mới đăng ký. Đó là những chỉ tiêu mà TCTK chưa thực hiện được.

Như vậy, việc đáp ứng chưa đầy đủ số liệu thống kê nước ta cho quốc tế chủ yếu liên quan đến các chỉ tiêu TCTK không thu thập hết được (nhất là đối với các chỉ tiêu thống kê ngân hàng, tài chính, tiền tệ), và một số chỉ tiêu trên thực tế mà TCTK chưa thu thập tính toán được.

1.2. Công tác phổ biến TKNN cho người sử dụng trong nước

Đây cũng là hội nhập quốc tế trong thống kê với nhiệm vụ chủ động tìm kiếm, thu thập, xử lý, biên soạn TKNN nhằm đáp ứng các nhu cầu ở Việt Nam, nhằm:

- Giúp các cơ quan Nhà nước, các doanh nghiệp có được số liệu, nắm bắt tình hình và xu thế phát triển chung của các quốc gia, khu vực để chủ động hội nhập, làm căn cứ lập kế hoạch phát triển, nâng cao khả năng cạnh tranh, tìm kiếm thị trường, bạn hàng và đối tác, đưa ra các quyết sách phù hợp trong đàm phán, thỏa thuận, nhất là khi nước ta đang trên ngưỡng cửa bước vào WTO.

- Giúp các nhà nghiên cứu, các cơ sở đào tạo có được các thông tin thống kê cần thiết về thế giới bên ngoài để thực hiện các công trình có ích cho xã hội trong bối cảnh cạnh tranh gắt gao, truyền đạt kiến thức cho các thế hệ mới, nâng cao nguồn nhân lực cho đất nước.

- Giúp quảng đại quần chúng nhân dân có bức tranh kinh tế - xã hội nước ngoài để đối chiếu, so sánh, thấy vị thế của dân tộc mình trong cộng đồng quốc tế, nhận ra những lĩnh vực được và chưa được cần phấn đấu đuổi kịp các nước tiên tiến hơn. Đây cũng là một hình thức, biện pháp nâng cao dân trí.

- Giúp các đơn vị trong ngành thống kê có được số liệu nước ngoài để thực hiện chức năng phân tích, so sánh.

- Phổ biến TKNN cũng là hình thức hỗ trợ cơ quan thống kê các nước quảng bá hình ảnh đất nước họ, thực hiện nghĩa vụ HTQT trong lĩnh vực thống kê.

Thực tế phổ biến số liệu nước ngoài trong những năm qua ở TCTK cho thấy, khác với các hoạt động thống kê chuyên ngành trong nước, hoạt động thống kê nước ngoài có những nét đặc thù riêng, thể hiện trong đối tượng mà thông tin phản ánh (tình hình kinh tế - xã hội nước ngoài), phạm vi địa lý (nằm ngoài lãnh thổ Việt Nam), tính chất thu thập (không có chế độ báo cáo hay điều tra), cách thức tổng hợp, nguồn số liệu (từ các ấn phẩm hay trang điện tử nước ngoài)...

Công tác này đã được TCTK chú trọng từ đầu những năm 70 của thế kỷ trước, và đạt một số thành tựu, song vẫn còn những bất cập:

- Chưa nắm bắt được nhu cầu cụ thể của người sử dụng, nội dung các chỉ tiêu thống kê mà họ yêu cầu;

- Nội dung các chỉ tiêu cung cấp thiếu nhất quán, không ổn định, tùy thuộc vào chủ quan.

- Trừ Niên giám Thống kê cung cấp tương đối đều đặn, các ấn phẩm chuyên số liệu nước ngoài thì năm có năm không. Nguyên nhân có thể do sự thay đổi cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ của các đơn vị, chưa có một văn bản pháp qui, qui định cụ thể nào trong lĩnh vực này.

- Nội dung thông tin cung cấp ít tính tổng hợp theo các khối nước cần cho người dùng tin, nhất là lãnh đạo các cấp.

- Số liệu TKNN qua các ấn phẩm quốc tế cho thấy thường xuyên có sự thay đổi, dễ gây sự nghi ngờ cho người sử dụng ở nước ta, tạo tâm lý không muốn phổ biến những số liệu thường có sự điều chỉnh như vậy.

- Nguồn thông tin quốc tế tuy ngày nay đã khá hơn trước nhờ có nhiều trang

website, song số lượng nguồn tiếp cận được vẫn chưa nhiều, chậm về thời gian, thất thường về chu kỳ nhận thông tin,...

- Cơ chế phổ biến thông tin cũng là một rào cản làm cho người sử dụng khó tiếp cận. Ví dụ ấn phẩm TKNN hiện nay chỉ được in với gần 400 bản (kinh phí có hạn), gửi hết cho các cấp lãnh đạo Đảng và Nhà nước, vậy nên những người có nhu cầu là các doanh nghiệp, các nhà nghiên cứu, đào tạo chưa có cơ hội tiếp cận thuận lợi tới những ấn phẩm này.

2. Các giải pháp cải tiến

2.1. Đối với công tác đáp ứng số liệu Việt Nam cho quốc tế

- Trước hết, rà soát lại toàn bộ hệ thống các chỉ tiêu cần cung cấp, phân biệt và định rõ những chỉ tiêu nào thuộc diện định kỳ, tháng, quý, năm, và những chỉ tiêu nào thuộc diện đột xuất, thỉnh thoảng mới xuất hiện.

- Tiếp theo, đối chiếu với thực tế thống kê của chúng ta, xác định nguồn số liệu: từ thống kê các Bộ, ngành; có sẵn trong cơ sở dữ liệu của TCTK; hay nguồn từ các cơ quan thống kê địa phương, để có biện pháp thu thập kịp thời. Trên cơ sở các nguồn mà xác định những chỉ tiêu giữ nguyên hay biên soạn lại cho phù hợp với quốc tế và nhất quán với toàn bộ hệ thống, trong trường hợp này cần có sự phối hợp của các đơn vị trong Tổng cục.

- Tìm ra những khác biệt giữa nội dung yêu cầu và thực có để có thể trực tiếp hay gián tiếp điều chỉnh cho phù hợp.

- Xây dựng các cơ sở dữ liệu đơn giản theo khung mẫu của từng đối tượng, từng lĩnh vực mà quốc tế yêu cầu.

2.2. Đối với công tác phổ biến số liệu TKNN

Muốn thực hiện tốt việc đáp ứng số liệu TKNN, phải nắm bắt được đầy đủ, thấu đáo các nhu cầu của các đối tượng. Song đó là cả một quá trình đòi hỏi phải có thời gian, kinh phí, có kế hoạch chặt chẽ thông qua điều tra nhu cầu dung tin (tựa như điều tra nhu cầu thông tin thống kê trong nước).

Trước mắt, khi chưa thực hiện được điều tra nhu cầu thông tin, cần duy trì và ổn định những nội dung thông tin TKNN mà TCTK vẫn thường xuyên cung cấp cho các đối tượng. Nội dung được thể hiện trong Niên giám Thống kê (đầy đủ và tóm tắt), trong các ấn phẩm chuyên TKNN, cụ thể “Tư liệu kinh tế các nước thành viên ASEAN” và “Số liệu kinh tế - xã hội các nước và cùng lãnh thổ trên thế giới”, với định kỳ 2 năm một lần xen kẽ nhau giữa hai loại ấn phẩm.

Cần ổn định (tương đối) nội dung thông tin và hình thức mẫu biểu số liệu thống kê nước ngoài trong các ấn phẩm có thông tin thống kê nước ngoài.

Khi soạn thảo và cung cấp số liệu, cần tăng cường tổng hợp theo các nhóm nước, khối nước, khu vực, đặc biệt là những thể chế mà nước ta tham gia nhằm tạo thuận lợi cho người sử dụng. Nắm bắt những mốc thời gian có ý nghĩa nhấn mạnh, “đi trước đón đầu” để chuẩn bị đáp ứng thông tin kịp thời, ví dụ năm APEC của Việt Nam, năm kỷ niệm 40 năm ngày thành lập ASEAN,...

Xây dựng cơ chế phổ biến thông tin phù hợp nhằm đáp ứng nhu cầu của tất cả các loại đối tượng dùng tin ■